

Bản án số: 18 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày 21/05/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Nguyễn Quang Vinh .

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ngô Thị Thủy- Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/05/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20 /2020/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2020 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 /2020/QĐTS- HNGĐ ngày 06/04/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐ- HNGĐ ngày 06/05/2020 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.( Xin vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Vũ Đình T, sinh năm 1987;

ĐKHKTT: Thôn V , thị trấn K , huyện C, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Ph trình bày: Chị và anh Vũ Đình T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 26/09/2012 tại UBND xã T ( nay là thị trấn K), huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, chồng hay rượu chè, đánh đập vợ con, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung.

1. Vũ Đình Gia K, sinh ngày 20/01/2014

2. Vũ Đình Gia B, sinh ngày 21/04/2016

Hiện nay con Vũ Đình Gia K đang ở với anh T, vợ chồng ly hôn chị đề nghị giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Con Vũ Đình Gia B hiện nay đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con Vũ Đình Gia B.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Đình T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt và không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đi xác minh tại địa Ph thì được cung cấp thông tin: Chị Ph và anh T sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hay cãi nhau, anh T có đánh vợ nhưng chị Ph không báo cáo chính quyền địa phương, từ khoảng cuối năm 2019 chị Ph không ở cùng với anh T nữa, về việc chị Ph xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng anh T có 02 con chung, 01 con đang sống cùng với anh T.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt, nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 06/05/2020 anh T vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 21/05/2020.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ph xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần 2 không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Ph: Chị Trần Thị Ph được ly hôn anh Vũ Đình T.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Phượng nuôi con Vũ Đình Gia B, sinh ngày 21/04/2016, giao anh Vũ Đình T nuôi con Vũ Đình Gia K, sinh ngày 20/01/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Ph chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ph cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm B đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh T có hộ khẩu tại xã T ( nay là thị trấn K), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh T vắng mặt lần 2 không có lý do, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph, anh T theo quy định tại điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Vũ Đình T đã đăng ký kết hôn vào ngày 26/09/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh T là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị Ph về việc vợ chồng có mâu thuẫn, có xảy ra cãi nhau, đánh nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương về việc chị Ph không sống cùng với anh T từ cuối năm 2019 và vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị Ph, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, B vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Ph được ly hôn anh T.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị Ph và anh T có 02 con chung là Vũ Đình Gia K, sinh ngày 20/01/2014 và Vũ Đình Gia B, sinh ngày 21/04/2016 hiện nay một con đang ở với chị Ph và một con đang ở với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án chị Ph có nguyện vọng được nuôi 01 con và giao cho anh T được nuôi 01 con. Anh T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu ly hôn và xin nuôi con chung của chị Ph nhưng anh T không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị Ph có 02 con chung, hiện nay các con của chị Ph thì cháu cháu Vũ Đình Gia K hiện nay đang sinh sống cùng với anh T, cháu Vũ Đình Gia Bảo hiện nay cháu sinh sống cùng với chị Ph, các cháu vẫn phát triển bình thường, để ổn định cuộc sống và để đảm B sự phát triển bình thường của con chung cần giao cho cho chị Trần Thị Ph nuôi con Vũ Đình Gia B, sinh ngày 21/04/2016, giao anh Vũ Đình T nuôi con Vũ Đình Gia K, sinh ngày 20/01/2014 là phù hợp.

Chị Ph, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị Ph anh T thực hiện quyền này.

Chị Ph, anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Ph không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Ph được ly hôn anh Vũ Đình T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Ph nuôi con Vũ Đình Gia B, sinh ngày 21/04/2016, giao anh Vũ Đình T nuôi con Vũ Đình Gia K, sinh ngày 20/01/2014.

Chị Ph, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị Ph anh T thực hiện quyền này.

Chị Ph, anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Án phí: Chị Trần Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002123 ngày 15/1/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Chị Ph, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thu Hà**